

Bản án số: 137/2021/HSST

Ngày: 19- 8- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Ông Cao Đại Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Năng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê T**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 10/9/1989 tại tỉnh Đ;

Địa chỉ: Số nhà 33, tổ 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Đức H (Còn sống); Con bà Phạm Thị T (Còn sống); Vợ, con: Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Đặc điểm nhân thân: Ngày 08/3/2004 gây rối trật tự công cộng, công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo, Ngày 12/8/2007 gây rối trật tự công cộng, công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 350.000đ; Ngày 28/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp tài sản; Ngày 10/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 22/7/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, T đã chấp hành xong toàn bộ các bản án trên, ngày 14/9/2018, xử dụng trái phép chất ma túy, bị công an thành phố B xử phạt cảnh cáo theo quyết

định số 12 ngày 28/11/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2021 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Đặng Văn H; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt).

2. Anh Trần Văn H; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 30/4/2021, bị cáo đi xe mô tô biển kiểm soát 27B1-927.83 đến tìm bạn tại xưởng cơ khí của công ty Trường Hải thuộc tổ 10, phường T, thành phố B. Bị cáo dựng xe ngoài cổng, đi bộ vào trong tìm nhưng không thấy, bị cáo đi vào khu phòng ngủ phía trong thấy phòng thứ hai cửa mở, giường tầng 01 đầu tiên bên trái (hướng từ ngoài vào trong) có anh Đặng Văn H đang nằm ngủ quay mặt vào tường, đầu giường anh để 01 chiếc điện thoại Samsung M51, màu đen có dán màn hình, kèm ốp lưng. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, lợi dụng xung quanh không có người, bị cáo dùng tay phải lấy điện thoại rút vào cặp quần rồi ra xe đi về. Trên đường về, bị cáo kiểm tra điện thoại thấy có cài mật khẩu, bị cáo nhặt 01 chiếc tấm tháo sim điện thoại, cây miếng dán màn hình vứt đi rồi mang đến quán sửa chữa điện thoại Tuấn Anh mobile thuộc tổ 01, phường T gặp anh Trần Văn H (là nhân viên quán), bị cáo không nói cho H biết điện thoại do trộm cắp mà có, nhờ H phá mật khẩu. Do anh H bận nên bị cáo để điện thoại tại quán và đi về nhà. Ngày 01/5/2021, Lê T ra tự thú về hành vi phạm tội của mình tại công an thành phố B.

Tại bản kết luận định giá số: 31/KL ngày 04/5/2021, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đ kết luận: 01 chiếc điện thoại Samsung M51, màu đen, số IMEI 1: 353544563694231, số IMEI 2: 353914473694235 có giá 8.514.000đ, 01 sim Viettel số 0971504388 có giá 25.000đ, 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu đen có giá 25.000đ, 01 kính cường lực có giá: 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 8.591.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKSTPĐBP ngày 14/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê T về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê T về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt

bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Vật chứng vụ án: Tịch thu sung ngân sách chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-927.83. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự....Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 11 giờ ngày 30/4/2021, tại xưởng cơ khí của công ty Trường Hải thuộc tổ 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, Lê T có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Văn H trị giá 8.591.000 đồng.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường T nói riêng, thành phố B nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình khi chưa bị ai phát hiện, bổ đề của bị cáo là thương binh, được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 08/3/2004 gây rối trật tự công cộng, công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo, ngày 12/8/2007 gây rối trật tự công cộng, công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 350.000đ; Ngày 28/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp tài sản; Ngày 10/02/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 22/7/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 14/9/2018, xử dụng trái phép chất ma túy, bị công an thành phố B xử phạt cảnh cáo theo quyết định số 12 ngày 28/11/2018. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các bản án trên.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng, bị cáo là người đã từng bị đi chấp hành án phạt tù về tội " Cướp tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản", khi ra tù, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng một

hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lê T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173/ BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác: Anh Trần Văn H không biết chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đề cập xử lý.

[6].Vật chứng: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy M51 màu đen, 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu nâu đen. Ngày 12/5/2021, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho anh Đặng Văn H. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Chiếc sim điện thoại, miếng dán cường lực bị cáo đã vứt đi không thu hồi được, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave a, màu sơn trắng, đen bạc, màu đen, biển kiểm soát 27B1-927.83, chìa khóa xe và đăng ký xe mang tên Lê T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nguồn gốc số tiền mua xe là do mẹ bị cáo là bà Phạm Thị Thảo mua để làm phương tiện đi lại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Thảo không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc mình đã là người bỏ ra số tiền mua xe, cũng như trực tiếp đi mua chiếc xe máy trên. Nên xác định đây là tài sản của bị cáo Lê T, do bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS.
 - Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
 - Xử phạt bị cáo Lê T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/5/2021).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 /BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-927.83, nhãn hiệu Honda-Wave a màu sơn trắng - đen - bạc, số khung RLHJA391XKY268931, Số máy JA39E1130442, 01 đăng ký xe máy mang tên Lê T và 01 chìa khóa xe (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ ngày 20/7/2021*).

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

